

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Long
2. Ông Huỳnh Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Số B, Đường số C B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số B, Đường số C B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D, ông D1 chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T (nay là phường N, thành phố T), tỉnh T. Quá trình chung sống do ông D1 không chung thủy, nhậu nhẹt, cờ bạc,

đánh vợ nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Do đó, bà **D** yêu cầu ly hôn với ông **D1**.

Về con chung: Có 03 con chung là **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 01/7/2001; **Nguyễn Công H1**, sinh ngày 20/11/2002 và **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh ngày 23/9/2006. Các cháu **H**, **H1** đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà **D** xin nuôi cháu **H2**, không yêu cầu ông **D1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà **D** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Ông **D1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **D** đối với ông **D1**.

+ Về con chung: Các cháu **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 01/7/2001; **Nguyễn Công H1**, sinh ngày 20/11/2002 đã trưởng thành, bà **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh ngày 23/9/2006 cho bà **D** nuôi, ghi nhận bà **D** không yêu cầu ông **D1** cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà **D** có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông **D1** cư trú tại **khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà D, ông D1 chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T (nay là phường N, thành phố T), tỉnh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông D1: Bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông D1 không chung thủy, nhậu nhẹt, cờ bạc, đánh vợ nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Ông D1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không có biểu hiện, động thái tích cực nào để hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, giữa bà D, ông D1 đã có phát sinh mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà D, ông D1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà D đối với ông D1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 01/7/2001; Nguyễn Công H1, sinh ngày 20/11/2002 và Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 23/9/2006. Các cháu H, H1 đã trưởng thành, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu H2 đang sống cùng bà D2 có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu H2 cho bà D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông D1 có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà D đối với ông D1. Bà D, ông D1 được ly hôn.

2. Về con chung:

Các cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 01/7/2001; Nguyễn Công H1, sinh ngày 20/11/2002 đã trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 23/9/2006 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông D1 có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002292 ngày 10/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- UBND P. N, TPT, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung